

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



BIỆN VĂN TÀI

PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT CÁC LOẠI RỪNG
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH KON TUM

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

KON TUM, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Nga**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài..... | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu đề tài | 2 |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn..... | 3 |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn..... | 4 |
| 5. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu..... | 4 |
| 6. Những đóng góp về khoa học và ý nghĩa của luận văn | 4 |
| 7. Cơ cấu của luận văn..... | 5 |
| Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THU HỒI ĐẤT VÀ PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT RỪNG | 6 |
| 1.1. Khái niệm thu hồi đất và thu hồi đất rừng..... | 6 |
| 1.1.1. Khái niệm thu hồi đất | 6 |
| 1.1.2. Khái niệm về đất rừng và thu hồi đất rừng | 6 |
| 1.1.2.1. Khái niệm về đất rừng | 6 |
| 1.1.2.2. Khái niệm về thu hồi đất rừng..... | 7 |
| 1.2. Pháp luật về thu hồi đất rừng..... | 7 |
| 1.2.1. Khái niệm pháp luật về thu hồi đất rừng | 7 |
| 1.2.2. Chủ thể, khách thể, cơ chế điều chỉnh pháp luật về thu hồi đất rừng | 8 |
| 1.2.2.1. Chủ thể của thực hiện pháp luật về thu hồi đất rừng | 8 |
| 1.2.2.2. Khách thể của thực hiện pháp luật thu hồi đất rừng | 8 |
| 1.2.2.3. Cơ chế thực hiện pháp luật về thu hồi đất rừng | 8 |
| 1.2.3. Nội dung pháp luật về thu hồi đất rừng..... | 8 |
| 1.2.3.1. Về cơ sở, căn cứ pháp lý để thu hồi đất rừng..... | 8 |
| 1.2.3.2. Về thẩm quyền và nội dung, trình tự, thủ tục thu hồi đất rừng..... | 9 |
| 1.2.3.3. Về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất rừng | 9 |
| 1.2.3.4. Về khiếu nại khi nhà nước thu hồi đất rừng..... | 9 |
| 1.3. Mục đích thu hồi đất..... | 9 |
| Kết luận chương 1..... | 10 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT RỪNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH KON TUM | 10 |
| 2.1. Thực trạng các quy định pháp luật về thu hồi đất rừng | 10 |
| 2.1.1. Về thu hồi đất rừng phục vụ mục đích an ninh, chính trị, lợi ích công cộng..... | 10 |
| 2.1.2. Quy định về thu hồi đất rừng phục vụ mục đích phát triển kinh tế - dự án đầu tư nhằm phát triển kinh tế..... | 11 |
| 2.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền thu hồi đất rừng..... | 11 |

| | |
|---|-----------|
| 2.1.3.1. Trình tự, thủ tục thu hồi đất | 11 |
| 2.1.3.2. Thẩm quyền thu hồi đất và sự phối hợp giữa các cấp, ban ngành trong thực hiện pháp luật thu hồi đất rừng..... | 12 |
| 2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thu hồi đất rừng tại tỉnh Kon Tum. | 12 |
| 2.2.1. Các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật về thu hồi đất rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum | 12 |
| 2.2.1.1. Yếu tố về địa lý và điều kiện tự nhiên | 12 |
| 2.2.1.2. Yếu tố kinh tế và văn hoá..... | 13 |
| 2.2.1.3. Di dân tự do và trình độ dân trí..... | 13 |
| 2.2.1.4. Chính sách quản lý và sử dụng đất đai | 13 |
| 2.2.2. Thực trạng thu hồi đất các loại rừng tại tỉnh Kon Tum từ 2013 đến nay..... | 14 |
| 2.2.2.1. Khái quát về thực trạng thực thi pháp luật về thu hồi đất rừng tại Kon Tum..... | 14 |
| 2.2.2.2. Thực trạng thu hồi đất rừng | 14 |
| 2.2.3. Đánh giá việc thực hiện pháp luật về thu hồi đất các loại rừng ở tỉnh Kon Tum | 15 |
| 2.2.3.1. Những thành công | 15 |
| 2.2.3.2. Về hạn chế và nguyên nhân | 16 |
| Kết Luận Chương 2 | 17 |
| Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT RỪNG | 18 |
| 3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về thu hồi đất rừng | 18 |
| 3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thu hồi đất rừng | 18 |
| 3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thu hồi đất rừng..... | 18 |
| 3.2.1.1. Hoàn thiện pháp luật về cơ chế thu hồi đất rừng | 18 |
| 3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất rừng | 19 |
| 3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thu hồi đất rừng | 20 |
| 3.2.2.1. Nhóm giải pháp chung | 20 |
| 3.2.2.2. Nhóm giải pháp áp dụng cho tỉnh Kon Tum | 20 |
| Kết luận chương 3 | 22 |
| KẾT LUẬN | 22 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 24 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất đai - nguồn tư liệu sản xuất quan trọng cho nền kinh tế. Quan hệ xã hội liên quan đến quyền sử dụng đất luôn là vấn đề nóng trong xã hội. Với đặc thù của Việt Nam, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý [17, tr.12]. Tuy nhiên, trên thực tế, chủ thể sử dụng đất chủ yếu là cá nhân, tổ chức. Để bảo đảm lợi ích của các bên: lợi ích của Nhà nước, lợi ích của người sử dụng đất (NSDD), lợi ích của nhà đầu tư, việc hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách về đất đai tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng có hiệu quả nguồn đất đai cho sự phát triển; khắc phục tình trạng lãng phí và tham nhũng đất đai là hết sức cấp thiết.

Khoản 3 Điều 54 Hiến pháp 2013 quy định: “*Nhà nước thu hồi đất do tổ chức, cá nhân đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết do luật định vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi đất phải công khai, minh bạch và được bồi thường theo quy định của pháp luật*”. Nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, cơ cấu nền kinh tế có sự chuyển dịch nhanh chóng kéo theo sự thay đổi mục đích sử dụng đất. Để triển khai được các dự án đầu tư phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH), Nhà nước phải thu hồi đất (THĐ) và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân có đất bị thu hồi. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, công tác THĐ đã và vẫn đang là vấn đề hết sức phức tạp và nhạy cảm, còn nhiều tồn tại, vướng mắc bởi nó liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều chủ thể. Tình hình khiếu nại liên quan đến đất đai chiếm tới 98% trong các loại khiếu kiện mà Bộ Tài nguyên và Môi trường xử lý, trong đó bao gồm cả khiếu nại về THĐ [22]. Khi THĐ để phục vụ các dự án phát triển KT - XH còn gặp không ít khó khăn trong vấn đề định giá đất, bồi thường thiệt hại chưa phù hợp từ đó gây ra sự căng thẳng, bức xúc trong nhân dân. Tình trạng các chủ thể bị THĐ không chấp nhận việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quyết định THĐ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, dẫn đến khiếu kiện kéo dài, nhiều dự án phải thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế THĐ.

Đối với khu vực Tây Nguyên nói chung và địa bàn tỉnh Kon Tum nói riêng, việc THĐ rừng cũng rơi vào tình trạng chung trong cả nước. Mặt khác, do đặc thù của Tây Nguyên, việc THĐ rừng cũng có những trường hợp hết sức phức tạp, có lúc, có nơi tạo nên những điểm nóng do

tình trạng xung đột lợi ích phát sinh.

Đề quản lý đất đai nói chung và đất rừng nói riêng, hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này được Nhà nước chú trọng và không ngừng hoàn thiện, tạo một khung khổ pháp lý từ Hiến pháp đến các chính sách cụ thể của từng địa phương. Tuy nhiên thời gian qua, việc thực hiện chính sách về đất đai, đặc biệt là THĐ, ở khu vực Tây Nguyên nói chung và Kon Tum nói riêng là THĐ rừng đang gặp nhiều bất cập, khó khăn dẫn đến nhiều hệ lụy đối với xã hội. Trong đó vấn đề khó khăn nhất là khiếu kiện tập trung, khiếu kiện đông người, khiếu kiện kéo dài, dù được các cấp chính quyền giải quyết nhưng các xung đột vẫn âm ỉ.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do các quy định pháp luật về THĐ nói chung và đất rừng nói riêng nhiều và thường xuyên thay đổi, thiếu đồng bộ, chưa hoàn chỉnh, chưa thống nhất và chưa tạo được đầy đủ căn cứ pháp lý để triển khai trong thực tiễn, đặc biệt là cơ chế thực hiện pháp luật về THĐ không được đảm bảo thống nhất, thiếu dân chủ, thiếu công khai, công bằng và minh bạch.

Xuất phát từ thực tiễn trên, tác giả chọn đề tài ***“Pháp luật về thu hồi đất các loại rừng, qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum”*** làm luận văn thạc sĩ, chuyên ngành luật kinh tế của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề thực hiện pháp luật về THĐ nói chung và đất rừng nói riêng có ý nghĩa rất lớn đối với Việt Nam, nhất là trong giai đoạn nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc THĐ trực tiếp ảnh hưởng đến lợi ích người bị THĐ, lợi ích của nhà nước, lợi ích của chủ đầu tư nên thời gian qua đã nhận được sự quan tâm nghiên cứu của giới khoa học pháp lý. Nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề THĐ dưới khía cạnh khác nhau như:

Cuốn chuyên khảo *“Pháp luật về định giá đất trong bồi thường, giải phóng mặt bằng ở Việt Nam”*, PGS.TS Doãn Hồng Nhung (chủ biên), NXB. Tư pháp 2013;

Sách về *“Cơ chế nhà nước THĐ và chuyển dịch đất đai tự nguyện ở Việt Nam. Phương pháp tiếp cận, định giá và giải quyết khiếu nại của người dân”* của Ngân hàng Thế giới, Hà nội 2011;

Chuyên đề *“Bình luận và góp ý đối với các quy định về đất, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước THĐ trong dự thảo Luật Đất đai sửa đổi”*, PGS.TS. Nguyễn Quang Tuyền tổ chức tại Đại học Luật Hà Nội;

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường (2013) *“Pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước THĐ - thực trạng và hướng hoàn thiện”* của TS. Nguyễn Thị Nga, Đại học Luật Hà Nội;

Vũ Tuấn Anh (2014), “*Vấn đề quản lý và sử dụng đất đai ở Tây Nguyên*”, Đề tài cấp Nhà nước TN3/X12.

Về các bài viết có một số bài viết tiêu biểu như: “*Chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*” của TS. Trần Quang Huy - Tạp chí Luật học, số 10/2010;

“*Vấn đề xung quanh khái niệm bồi thường, thu hồi đất*” của PGS.TS. Nguyễn Quang Tuyền, Tạp chí Luật học số 01/2009;

“*Pháp luật về hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp*”, Ths. Lê Ngọc Thanh, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Số 4/2013.

Luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ liên quan đến lĩnh vực này gần đây có các công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Đinh Trọng Huy (2018), “*Thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo pháp luật đất đai từ thực tiễn quận Long Biên, thành phố Hà Nội*”, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam; Trần Thị Huyền Lê (2015), “*Pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp và thực tiễn áp dụng tại Hà Nam*”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nhìn chung, các công trình này đã đi sâu nghiên cứu nhiều khía cạnh của vấn đề thực hiện pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước THĐ hoặc tập trung nghiên cứu về thực trạng pháp luật về thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ở một số địa phương nhất định.

Kế thừa những thành quả về lý luận của các công trình kể trên, Luận văn đi sâu tìm hiểu một cách hệ thống, toàn diện và tập trung pháp luật về THĐ các loại rừng trên cơ sở đối sánh với thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích của luận văn

Nhận diện đầy đủ các quy định của pháp luật về THĐ rừng. Trên cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật tại địa bàn nghiên cứu để đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về THĐ nhằm giải quyết tốt hơn nữa mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích Nhà nước, lợi ích người bị THĐ và lợi ích nhà đầu tư qua thực tiễn tại tỉnh Kon Tum.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

- Làm rõ các vấn đề lý luận về thu hồi đất rừng; Phân tích các quy định THĐ theo Luật Đất đai 2013 và luận giải thực trạng pháp luật về THĐ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực đến nay; chỉ ra những yếu kém, khó khăn, bất cập, yêu cầu và đòi hỏi từ thực tiễn;

- Đề xuất các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về THĐ rừng nói chung và THĐ rừng ở Kon Tum nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực hiện pháp luật thu hồi đất các loại rừng, qua thực tiễn ở tỉnh Kon Tum từ năm 2013 đến nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu trong phạm vi bao gồm các quy phạm pháp luật có liên quan về THĐ. Về không gian và thời gian nghiên cứu của đề tài là từ khi có Luật Đất đai 2013 đến nay trên phạm vi tỉnh Kon Tum.

5. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Phương pháp luận được sử dụng là phương pháp về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và pháp quyền; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế thị trường định hướng XHCN.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận nêu trên, các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng gồm: Phương pháp so sánh, bình luận, phân tích văn bản và phân tích quy phạm được sử dụng xuyên suốt trong toàn bộ luận văn và được sử dụng như là phương pháp chính trong Chương 1 để làm rõ vấn đề lý luận về pháp luật THĐ rừng. Ngoài ra còn có phương pháp định lượng thông qua phân tích số liệu thứ cấp và phân tích trường hợp được sử dụng như là phương pháp chính trong chương 2 để làm sáng tỏ thực tiễn thực hiện pháp luật THĐ rừng tại tỉnh Kon Tum. Phương pháp tổng hợp, diễn giải, quy nạp và dự báo khoa học được sử dụng trong chương 3 để đề xuất một số giải pháp tích cực nhằm hoàn thiện pháp luật THĐ rừng.

Sự kết hợp các phương pháp nghiên cứu nhằm nhìn nhận, đánh giá vấn đề toàn diện, khách quan, biện chứng trong các mối quan hệ qua lại, gắn bó, tác động với nhau trong những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể nhất định đối với vấn đề nghiên cứu.

6. Những đóng góp về khoa học và ý nghĩa của luận văn

Luận văn góp phần làm rõ lý luận về THĐ nói chung và THĐ rừng nói riêng, từ đó góp phần vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về đất đai.

Luận văn góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho các cơ quan đưa ra những quyết sách đảm bảo cho pháp luật về THĐ các loại rừng được thực hiện đúng luật pháp, đầy đủ, nghiêm chỉnh thống nhất trên địa bàn Kon Tum nói riêng và cả nước nói chung trong thời gian tới.

Luận văn còn là một tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu,

các nhà quản lý, sinh viên, học viên...và tất cả những ai quan tâm đến việc thực hiện pháp luật về THĐ rừng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương sau đây:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về thu hồi đất và pháp luật về thu hồi đất rừng

Chương 2: Thực trạng pháp luật về thu hồi đất rừng và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Kon Tum

Chương 3: Phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thu hồi đất rừng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THU HỒI ĐẤT VÀ PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT RỪNG

1.1. Khái niệm thu hồi đất và thu hồi đất rừng

1.1.1. Khái niệm thu hồi đất

Từ Hiến pháp 1980, ở Việt Nam đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, nắm giữ quyền quyết định pháp lý của đất đai. Đây là quyền rất quan trọng và chỉ có Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu đất đai, nó bao trùm lên toàn bộ tài nguyên đất đai trong phạm vi quốc gia và ngoài Nhà nước không ai có quyền định đoạt đất đai. THĐ là một trong những hành vi pháp lý thể hiện quyền định đoạt đó. Nếu giao đất, cho thuê đất làm phát sinh quan hệ đất đai, thì THĐ để lại hậu quả làm chấm dứt quan hệ đất đai đối với NSDD.

Hiến pháp năm 2013 là cơ sở để có cách hiểu chính xác hơn về THĐ: *“Nhà nước thu hồi đất do cá nhân, tổ chức đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết do luật định vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi đất phải minh bạch, công khai và được bồi thường theo quy định của pháp luật [17, tr.12].* Trên cơ sở Hiến pháp, Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực vào ngày 1/7/2014 quy định: *“Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai” [19, tr.4].*

Như vậy, THĐ là việc Nhà nước (thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền) quyết định thu lại quyền sử dụng đất (QSDĐ) của cá nhân, tổ chức được Nhà nước trao QSDĐ hoặc thu lại đất của người sử dụng đất (NSDD) vi phạm pháp luật về đất đai bằng quyết định THĐ.

1.1.2. Khái niệm về đất rừng và thu hồi đất rừng

1.1.2.1. Khái niệm về đất rừng

Theo nghĩa chung, đất rừng được hiểu là đất được sử dụng cho mục đích bảo vệ và phát triển rừng phục vụ cho môi trường sinh thái và đời sống của con người, với nghĩa như vậy, đất rừng là đất đang có rừng tự nhiên, đất đang có rừng trồng; đất chưa có rừng được quy hoạch để gây trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ thảm thực vật.

Tuy nhiên, để phục vụ cho mục đích quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất các loại rừng hiệu quả và bền vững, khái niệm đất rừng đã được các cơ quan nhà nước thống nhất về mặt thể chế phục vụ cho công

tác quản lý và chỉ đạo chung, cụ thể: “*đất đang có rừng tự nhiên hoặc đang có rừng trồng đạt tiêu chuẩn rừng theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; đất đang khoanh nuôi để phục hồi rừng; đất mới trồng rừng nhưng chưa thành rừng; đất đang trồng rừng hoặc đã giao, cho thuê để trồng rừng và diện tích đất trống trong các khu rừng đặc dụng hoặc diện tích đất trống được bảo vệ trong các khu rừng khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng [1].*

* Phân loại đất rừng:

Thứ nhất, theo đặc điểm về điều kiện địa hình chủ yếu đồi núi, sườn dốc, vì vậy, theo không gian địa hình đất rừng được coi là đất lâm nghiệp và có thể được chia thành hai loại: Đất lâm nghiệp trên địa hình cao và đất lâm nghiệp ở địa hình thấp.

Thứ hai, theo nguồn gốc hình thành được chia thành hai loại: Đất có rừng tự nhiên và đất có rừng trồng. Đất có rừng tự nhiên là đất cây rừng có nguồn gốc tự nhiên hoặc tự phục hồi bằng tái sinh tự nhiên; Đất có rừng trồng là đất có cây rừng được hình thành từ kỹ thuật trồng rừng của con người.

Thứ ba, dựa trên hiện trạng sử dụng đất, đất lâm nghiệp có thể phân thành hai loại: Đất có rừng và đất chưa có rừng được quy hoạch để phát triển, phục hồi rừng. Theo tiêu chí quản lý và mục đích sử dụng, Luật Đất đai 2013 quy định đất các loại rừng là đất lâm nghiệp thuộc nhóm đất nông nghiệp. Đất lâm nghiệp gồm: Đất rừng sản xuất; Đất rừng phòng hộ; Đất rừng đặc dụng.

1.1.2.2. Khái niệm về thu hồi đất rừng

Từ các khái niệm hay định nghĩa nêu trên, ở góc độ pháp lý và dựa trên khái niệm THĐ đặt ra ở nhiều phương diện khác nhau. Theo đó có thể hiểu: THĐ rừng là việc Nhà nước quyết định thu hồi lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất rừng hoặc thu lại đất rừng của NSDD vi phạm pháp luật về đất đai để Nhà nước giao cho người khác sử dụng hoặc trả lại cho chủ sử dụng đất rừng bị lấn chiếm.

1.2. Pháp luật về thu hồi đất rừng

1.2.1. Khái niệm pháp luật về thu hồi đất rừng

Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận dùng để tác động lên các quan hệ xã hội nhằm thiết lập một trật tự xã hội nhất định. Như vậy, *pháp luật về thu hồi đất rừng là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước và người sử dụng đất rừng khi Nhà nước tiến hành thu hồi đất rừng.*

1.2.2. Chủ thể, khách thể, cơ chế điều chỉnh pháp luật về thu hồi đất rừng

1.2.2.1. Chủ thể của thực hiện pháp luật về thu hồi đất rừng

Chủ thể tham gia quan hệ pháp luật về THĐ rừng bao gồm các bên liên qua đó là: Cơ quan nhà nước; Trung tâm phát triển quỹ đất và người được cấp quyền sử dụng đất nhưng bị thu hồi.

1.2.2.2. Khách thể của thực hiện pháp luật thu hồi đất rừng

Đối với Nhà nước, khách thể thực hiện pháp luật là mục đích mà các chủ thể hướng tới khi thiết lập quan hệ, là những lợi ích được nhà nước bảo đảm thực hiện.

Đối với NSDD, khách thể thực hiện pháp luật mà người dân hướng tới là những thửa đất của họ khi bị thu hồi có được đền bù hoặc được tái định cư một cách công bằng, hợp lý và khách quan.

Đối với chủ đầu tư, trong quá trình nhận đất đầu tư các dự án, công trình thì họ luôn hướng tới mục tiêu “lợi nhuận tối đa”, hạn chế thấp nhất sự rủi ro trong đầu tư.

1.2.2.3. Cơ chế thực hiện pháp luật về thu hồi đất rừng

- Cơ chế Nhà nước THĐ áp dụng đối với các trường hợp sau:

Thứ nhất, Nhà nước thực hiện THĐ vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển KT - XH, vì lợi ích quốc gia, công cộng (tại điều 63 Luật Đất đai 2013).

Thứ hai, THĐ do vi phạm pháp luật về đất đai (tại khoản 1, Điều 64, Luật Đất đai 2013).

Thứ ba, THĐ do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người (Điều 65, Luật Đất đai 2013)

- Cơ chế hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước THĐ

Luật đất Đai năm 2013 đã quy định cụ thể thể hơn. Theo đó, căn cứ theo khoản 14, Điều 3 “Hỗ trợ khi Nhà nước THĐ là việc Nhà nước trợ giúp cho người có đất bị thu hồi, để ổn định đời sống, sản xuất và phát triển”.

Cơ chế THĐ tự thỏa thuận giữa nhà đầu tư và NSDD thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Cơ chế pháp luật THĐ thỏa thuận được quy định tại Điều 73, Luật đất đai 2013; Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Khoản 15, khoản 50 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; Điều 4 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường.

1.2.3. Nội dung pháp luật về thu hồi đất rừng

1.2.3.1. Về cơ sở, căn cứ pháp lý để thu hồi đất rừng

Điều 63, Luật Đất đai 2013 Việc THĐ vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển KT - XH vì lợi ích quốc gia, công cộng. Điều 26, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng quy định; Khoản 1, Điều 22, Luật lâm nghiệp 2017

1.2.3.2. Về thẩm quyền và nội dung, trình tự, thủ tục thu hồi đất rừng

- Về thẩm quyền THĐ rừng được quy định tại Khoản 1, Điều 28, Luật bảo vệ và phát triển rừng. Tại Điều 23 Luật Lâm nghiệp 2017 về Thẩm quyền giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng.

- Về trình tự, thủ tục thu hồi rừng, chuyển đổi rừng được thực hiện theo Điều 43 Nghị định 156/2018/NĐ-CP về Hướng dẫn Luật Lâm nghiệp.

1.2.3.3. Về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất rừng

- Hiến pháp 2013 nước ta khẳng định: QSDĐ được pháp luật bảo hộ và việc THĐ phải công khai, minh bạch, được bồi thường theo quy định của pháp luật. Luật đất đai năm 2013 quy định: NSDĐ khi Nhà nước THĐ nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường. Tại Khoản 2, Điều 22, Luật lâm nghiệp. Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp đã được Chính phủ ban hành ngày 16/11/2018.

1.2.3.4. Về khiếu nại khi Nhà nước thu hồi đất rừng

Điều 30, Hiến Pháp 2013 đã quy định rằng: Tất cả mọi người có quyền tố cáo, khiếu nại với cá nhân, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền về những việc làm trái với pháp luật của cá nhân, tổ chức, cơ quan. Điều 204, Luật Đất đai năm 2013 quy định (i) NSDĐ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến sử dụng đất có quyền khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính về quản lý đất đai; (ii) Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

1.3. Mục đích thu hồi đất

Thứ nhất, THĐ nhằm mục đích phát triển KT – XH

Thứ hai, để làm tăng giá trị cao nhất của đất, Nhà nước cần phải điều tiết việc quản lý, sử dụng đất thông qua nhiều hình thức, trong đó có THĐ

Thứ ba, mục đích THĐ để thực hiện các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, dự án tái định cư...

Kết luận Chương 1

Qua nghiên cứu các vấn đề Chương 1 luận văn có rút ra các kết luận sau đây: Thu hồi đất cũng như THĐ các loại rừng là hoạt động điều chỉnh pháp luật mang tính tất yếu, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của bất kỳ quốc gia nào nói chung và của Việt Nam nói riêng. Trước yêu cầu phát triển mới, việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để sớm đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Do đó, trong điều kiện hiện nay thực hiện THĐ là cần thiết nhằm thực hiện các dự án phát triển KT - XH trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những vấn đề phân tích ở Chương 1 sẽ là cơ sở để tiếp tục nghiên cứu và luận giải pháp luật về THĐ các loại rừng để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, đồng thời cũng là cơ sở để đưa ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về THĐ rừng.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT RỪNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH KON TUM

2.1. Thực trạng các quy định pháp luật về thu hồi đất rừng

2.1.1. Về thu hồi đất rừng phục vụ mục đích an ninh, chính trị, lợi ích công cộng

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận cơ sở hiến định về THĐ: “*Nhà nước THĐ do tổ chức, cá nhân đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết do luật định vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển KT - XH vì lợi ích quốc gia, công cộng*” (Điều 54). Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về THĐ, Luật Đất đai tại Điều 61 và điểm b, c khoản 2 và điểm a, b, c khoản 3 Điều 62 quy định rõ các trường hợp THĐ để sử dụng vào mục đích an ninh, chính trị, lợi ích công cộng. Cơ chế quy định các trường hợp THĐ vì lợi ích của quốc gia, công cộng. Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, trong đó được hiểu và phải vận dụng, thực hiện đúng quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 10 Luật đất đai đó là “*Đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm đất giao thông; thủy lợi; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; đất chợ; đất bãi thải, xử lý chất thải và đất công trình công cộng khác*” [19, tr.8].

2.1.2. Quy định về thu hồi đất rừng phục vụ mục đích phát triển kinh tế - dự án đầu tư nhằm phát triển kinh tế

- Theo Điều 62, Điều 64 Luật đất đai 2013 chỉ quy định sử dụng đất cho các mục đích sau đây thì mới được coi là phát triển kinh tế Nhà nước mới có quyền ra quyết định THĐ của người đang sử dụng, bao gồm: Dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khu đô thị mới, dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

- Thực hiện các dự án do HĐND cấp tỉnh chấp thuận mà phải THĐ

2.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền thu hồi đất rừng

2.1.3.1. Trình tự, thủ tục thu hồi đất

* Xây dựng và thực hiện kế hoạch THĐ, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

- *Quy định về thông báo THĐ*: Điều 67, Luật đất đai 2013 quy định, UBND cấp có thẩm quyền phải thông báo THĐ cho người có đất bị thu hồi biết về kế hoạch THĐ, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm trong thời gian chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp. Khoản 2, Điều 17, Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

- *Về quy định kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

Thứ nhất, về các nguyên tắc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định kiểm đếm bắt buộc

Thứ hai, về các điều kiện tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Theo Khoản 2, Điều 71, Luật đất đai 2013. Cưỡng chế thực hiện quyết định THĐ được thực hiện khi có đủ các điều kiện, sau đây:

* *Về cơ chế bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước THĐ rừng*

- *Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước THĐ rừng*

Quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 77 của Luật Đất đai; xem xét hỗ trợ theo quy định tại Điều 25 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

- *Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước THĐ*

Thứ nhất, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước THĐ quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 83 của Luật Đất đai 2013

Thứ hai, điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định, tại Khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai.

Thứ ba, việc hỗ trợ ổn định sản xuất thực hiện theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức cao nhất bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thứ tư, UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

- *Hỗ trợ khác đối với NSDD khi Nhà nước THĐ*

2.1.3.2. Thẩm quyền thu hồi đất và sự phối hợp giữa các cấp, ban ngành trong thực hiện pháp luật thu hồi đất rừng

- UBND cấp tỉnh quyết định THĐ đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; THĐ thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.

- UBND cấp huyện quyết định THĐ đối với cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

- UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch THĐ, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

- Cơ quan Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu trình UBND cùng cấp thông báo THĐ và kế hoạch THĐ, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan và phối hợp chặt chẽ với cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch THĐ.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thu hồi đất rừng tại tỉnh Kon Tum

2.2.1. Các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật về thu hồi đất rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

2.2.1.1. Yếu tố về địa lý và điều kiện tự nhiên

Kon Tum là một tỉnh miền núi vùng cao, nằm phía cực bắc Tây Nguyên; có diện tích tự nhiên 9.676,55 km². Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam; Phía Nam giáp tỉnh Gia Lai; Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi; Phía Tây giáp hai nước Lào và Campuchia: có chung đường biên giới dài 275 km và một ngã ba biên giới Đông Dương tiếp giáp tại cửa khẩu Quốc tế Bờ Y [29, tr.4]. Kon Tum là một địa bàn chiến lược quan trọng của Việt Nam về an ninh - quốc phòng, có lợi thế phát triển kinh tế hàng hóa nông nghiệp, lâm nghiệp, đáp ứng yêu cầu thị trường cho công nghiệp chế biến.

2.2.1.2. Yếu tố kinh tế và văn hoá

- Hệ thống giao thông gồm có quốc lộ 14 C, đường Hồ Chí Minh chạy từ phía tây tỉnh Quảng Nam qua các huyện lỵ của tỉnh Kon Tum nối với quốc lộ 19 ở tỉnh Gia Lai; quốc lộ 24 nối Kon Tum với tỉnh Quảng Ngãi; quốc lộ 40 ở thị trấn Plei Kần huyện Ngọc Hồi nối với tỉnh Rattanakiri (Campuchia) và tỉnh Atôpư (Lào) tạo thành cửa khẩu Bờ Y giữa 3 nước Việt Nam, Campuchia và Lào.

- Công nghiệp xây dựng: tỉnh Kon Tum đã đang tiến hành đầu tư các hạ tầng thiết yếu của các khu, cụm công nghiệp Hòa Bình, Sao Mai, Đăk La; đang xúc tiến đầu tư khu đô thị mới phía nam cầu Đăk Bla.

- Thương mại, dịch vụ hàng hóa đã hình thành phát triển nhiều trung tâm thương mại lớn như khu thương mại Thành phố Kon Tum, ngoài ra còn có các trung tâm thương mại ở thị trấn các huyện trong Tỉnh.

2.2.1.3. Di dân tự do và trình độ dân trí

Từ sau khi đất nước thống nhất, Đảng và Nhà Việt Nam đã thực hiện chiến lược phân bố lại các vùng dân cư để phát triển hài hòa, cân đối, bền vững và góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Quá trình thực hiện quy hoạch, phân bố lại dân cư, đưa dân các tỉnh phía Bắc vào các khu kinh tế mới tại các huyện trong tỉnh; đặc biệt tình trạng di cư tự do, đã gây biến động lớn về cư dân và sản xuất, làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các địa phương có dân di cư tự do đến. Những mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp (vụ việc người dân chiếm đất trái pháp luật tại thôn Plei Sar, xã Ia Chim, thành phố Kon Tum năm 2017) liên quan đến đất đai có xu hướng ngày càng tăng khi sự gia tăng dân số cả tăng tự nhiên và cơ học trở nên khó kiểm soát, thiếu sự minh bạch, rõ ràng và hiệu quả trong quy hoạch đất đai và xử lý tình huống THĐ khi có sự tranh chấp đất đai rất khó khăn phức tạp.

2.2.1.4. Chính sách quản lý và sử dụng đất đai

Từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, việc thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, phân bổ, sử dụng đất đai một số địa phương của tỉnh cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ phát triển KT - XH của địa phương.

Tuy nhiên, những năm qua, trong quản lý và sử dụng đất đai ở Kon Tum còn bộc lộ nhiều bất cập: việc tổ chức khai thác và bố trí đất chưa hợp lý; việc sử dụng đất đai một số nơi chưa thực sự hiệu quả, không theo quy hoạch. Giao đất rừng sản xuất cho người dân quản lý, canh tác có thu nhập kinh tế từ rừng ở nhiều nơi còn chông chéo.

2.2.2. Thực trạng thu hồi đất các loại rừng tại tỉnh Kon Tum từ 2013 đến nay

2.2.2.1. Khái quát về thực trạng thực thi pháp luật về thu hồi đất rừng tại Kon Tum

Từ khi Luật Đất đai 2013 có hiệu lực cho đến nay, UBND tỉnh Kon Tum luôn thực thi các quy định của pháp luật trong THĐ nói chung và đất các loại rừng nói riêng. Cụ thể, tỉnh đã thực hiện đúng quy định Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Qua khảo sát cho thấy trong những năm qua tỉnh Kon Tum đã thực thi đúng các quy trình, trình tự, thủ tục pháp luật THĐ các loại rừng theo quy định tại Điều 63, Luật đất đai năm 2013, thực hiện theo quy định pháp luật THĐ trong lĩnh vực đất đai. Đồng thời cũng bảo đảm cho NSDD, nhân dân dễ dàng giám sát, phản ánh việc thực hiện quy trình, thủ tục này của cơ quan nhà nước.

Thực tiễn cho thấy, từ năm 2013 đến 2019, việc thực thi THĐ rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn Kon Tum, các cấp ủy, chính quyền các địa phương luôn quan tâm chỉ đạo giải quyết đúng mức, kịp thời trình tự, thủ tục và công tác THĐ rừng. Các quản lý nhà nước THĐ rừng đã thực hiện 6 bước tiến hành THĐ rừng. Có thể thấy, việc thực thi các bước trình tự, thủ tục THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai ở Kon Tum trong thời gian qua thực thi đạt hiệu lực, hiệu quả, không có tình trạng khiếu nại, khiếu kiện kéo dài, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2.2.2.2. Thực trạng thu hồi đất rừng

Trong những năm qua, nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc thực hiện và áp dụng pháp luật THĐ rừng trong lĩnh vực đất đai, nên Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành nhiều văn bản (chỉ thị, kế hoạch, quyết định, báo cáo) để triển khai thực hiện THĐ nói chung, trong đó có đất rừng. Cụ thể, hàng năm tỉnh đã ban hành nhiều văn bản như ngày 22/11/2013 UBND tỉnh Kon Tum Ban hành Quyết định số 969/QĐ-UBND về Phương án giải quyết đất giao chồng lấn, đất lấn chiếm nằm trong lâm phần các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Ban hành quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác THĐ, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi triển khai dự án đầu tư; ban hành Quyết định số 53/QĐ-

UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước THĐ trên địa bàn tỉnh Kon Tum; ban hành Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước THĐ trên địa bàn tỉnh Kon Tum; ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 27/1/2014 của UBND tỉnh Kon Tum ban hành quyết định V/v sửa đổi, bổ sung QĐ số 75/2009/QĐ-UBND về việc Quy định cụ thể về hỗ trợ khi nhà nước THĐ.

Những văn bản trên đây là cơ sở pháp lý giúp cho việc triển khai THPL về THĐ các loại rừng ở Kon Tum trong thời gian qua. Từ năm 2013 đến nay, UBND tỉnh Kon Tum ban hành 08 quyết định về THĐ các loại rừng với tổng diện tích đất các loại rừng là 102.799,1 ha. Trong đó, đất rừng sản xuất là 47.351,55 ha, đất rừng phòng hộ là 14.647,02 ha, đất chưa có rừng sản xuất, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên là 2.749,32 ha và điều chỉnh diện tích rừng chông lẩn là 38.051,21 ha.

Trong những năm qua đi liền với thực hiện pháp luật về THĐ rừng từ các dự án do bị vi phạm, bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật của các công ty nông nghiệp, lâm nghiệp, chính quyền các cấp tỉnh Kon Tum đã thực hiện chính sách dân tộc theo Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn và Nghị định 75/2015/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện khoán bảo vệ rừng, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số có đất nông nghiệp để sản xuất. Theo số liệu thống kê từ 2006 - 2016 chính quyền tỉnh Kon Tum đã giao 66.401 ha rừng và đất rừng cho cộng đồng dân cư dân tộc thiểu số và giao đất, giao rừng cho các hộ dân tộc thiểu số ở các thôn, làng quản lý, sử dụng. Trong đó giao 3.745,2 ha đất và đất rừng cho 23 cộng đồng dân cư dân tộc thiểu số ở các thôn, làng quản lý, sử dụng theo quy định.

2.2.3. Đánh giá việc thực hiện pháp luật về thu hồi đất các loại rừng ở tỉnh Kon Tum

2.2.3.1. Những thành công

Thứ nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã đề ra nhiều chủ trương, kế hoạch, biện pháp nhằm triển khai, tổ chức thực hiện pháp luật về THĐ rừng, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích quốc gia, cộng đồng và xã hội đã thực hiện được những kết quả nhất định.

Thứ hai, việc thực hiện THĐ rừng ở Kon Tum đã thực hiện đúng

quy định luật đất đai, bảo đảm thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

Thứ ba, thực hiện dân chủ, đảo đảm công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định của pháp luật; bảo đảm các quyền của người dân.

Thứ tư, UBND cấp huyện, cấp xã, nhất là người đứng đầu luôn quan tâm, dành nhiều thời gian hơn đến công tác tiếp công dân, đối thoại để tháo gỡ những vướng mắc phát sinh trong triển khai thực hiện THĐ rừng.

Thứ năm, từ 2013 đến nay việc thực hiện pháp luật, áp dụng pháp luật THĐ rừng của chính quyền, các cơ quan, ban ngành đã phối hợp thực hiện 8 đợt với tổng diện tích đất các loại rừng là 102.799,1 ha.

2.2.3.2. Về hạn chế và nguyên nhân

- Hạn chế

Thứ nhất, việc chưa có giải thích cụ thể về các khái niệm, tiêu chí đối với danh sách các trường hợp THĐ vì mục đích phát triển KT - XH vì lợi ích quốc gia, công cộng; giới hạn phạm vi được phép THĐ, dẫn đến một số nơi thực hiện không thống nhất, dễ bị lạm dụng để trục lợi...

Thứ hai, sự không thống nhất về những quy định, hướng dẫn trong thực hiện luật đất đai, đất nông - lâm nghiệp (đất các loại rừng) đã gây không ít khó khăn cho việc đảm bảo tính ổn định, hiệu quả trong thực thi pháp luật đất đai, trong đó có nội dung về THĐ rừng.

Thứ ba, quy định THĐ do vi phạm đối với một số trường hợp triển khai thực hiện còn gặp khó khăn trên thực tế

Thứ tư, quyền của NSDD rừng chưa được đảm bảo đầy đủ, chính sách đất đai có quy định bồi thường về đất hay giao bổ sung diện tích đất bị thu hồi để thực hiện các chương trình, dự án phát triển KT - XH.

Thứ năm, công tác kiểm tra, thanh tra chưa được quan tâm đúng mức, còn tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng tiến độ..

Thứ sáu, tình trạng phá rừng xâm canh, lấn chiếm xảy ra trong thời gian dự án chờ hoàn tất thủ tục và tiếp tục xảy ra trong quá trình thực hiện dự án.

- Nguyên nhân của hạn chế:

Một là, đội ngũ cán bộ công chức có thẩm quyền áp dụng pháp luật giải quyết THĐ năng lực chưa cao, chưa ngang tầm

Hai là, cấp ủy, chính quyền đôi lúc còn coi nhẹ thực hiện áp dụng pháp luật THĐ, có lúc, có nơi có biểu hiện đùn đẩy trách nhiệm, thiếu thống nhất.

Ba là, nhiều địa phương chính quyền cơ sở chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục vận động thuyết phục người có đất bị thu hồi.

Bốn là, chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích nhà nước với lợi ích của những người có đất bị thu hồi.

Năm là, sự không thống nhất của người có đất bị thu hồi làm dự án khó thực hiện, một mặt do đất rừng được coi là điều kiện sinh kế, nguồn tư liệu sản xuất chủ yếu của họ, mặt khác, Luật Đất đai sửa đổi 2013 vẫn dành quyền cho Nhà nước ấn định giá đất, khi đền bù thì giá này là cơ sở để tính tiền bồi thường.

Kết luận Chương 2

Qua việc phân tích thực trạng pháp luật về THĐ và thực tiễn thi hành ở Kon Tum, tác giả rút ra một số kết luận sau:

- Các quy định pháp luật về THĐ phục vụ mục đích an ninh, chính trị, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế vẫn chưa hoàn thiện. Hiến pháp 2013 và Luật đất đai 2013 sửa đổi đã có các quy định khung về vấn đề này. Đặc biệt là các quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước THĐ. Tuy nhiên những quy định này còn thiếu tính cụ thể, định lượng do đó khi thực thi còn những khó khăn, vướng mắc.

- Đánh giá hiệu lực, hiệu quả thực tiễn thực hiện pháp luật về THĐ các loại rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Luật Đất đai 2013 đã góp phần đóng góp giải quyết một số vấn đề lớn về pháp luật THĐ, trình tự, thủ tục THĐ...

- Những vấn đề phân tích ở chương 1 và chương 2 sẽ là tiền đề, cơ sở để luận văn tiếp tục đưa ra phương hướng và các nhóm giải pháp thực hiện pháp luật về THĐ các loại rừng để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ở chương 3.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT RỪNG

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về thu hồi đất rừng

- *Thu hồi đất rừng phải đảm bảo thực hiện đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đất đai, quản lý tài nguyên rừng*

+ Hoàn thiện pháp luật về THĐ rừng cần quán triệt quan điểm Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Khóa XI đã thể hiện rõ quan điểm, định hướng của Đảng ta liên quan đến chính sách, pháp luật về đất đai, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của NSDD khi Nhà nước THĐ

+ Việc hoàn thiện pháp luật về THĐ rừng phải đảm bảo thực hiện đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- *Thu hồi đất rừng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh*

+ Cần quy định cụ thể về những trường hợp thật cần thiết mà Nhà nước phải THĐ rừng vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển KT - XH vì lợi ích quốc gia, công cộng như quy định tại Điều 54 của Hiến pháp 2013.

+ Cần quy định theo hướng kiểm soát chặt chẽ hơn và thu hẹp hơn các trường hợp Nhà nước THĐ để phát triển KT - XH vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- *Trong quá trình thu hồi thực hiện nguyên tắc giải quyết hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của người bị thu hồi đất*

Hoàn thiện pháp luật khi Nhà nước THĐ rừng phải dựa trên nguyên tắc giải quyết hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của người bị THĐ.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thu hồi đất rừng

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thu hồi đất rừng

3.2.1.1. Hoàn thiện pháp luật về cơ chế thu hồi đất rừng

Thứ nhất, cần định nghĩa rõ khái niệm “THĐ để phát triển KT - XH vì lợi ích quốc gia, công cộng”, giúp xác định đúng các trường hợp áp dụng theo cơ chế này, trong đó cần bảo đảm yếu tố THĐ thật sự cần thiết vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Thứ hai, làm rõ khái niệm trong các khoản, điều quy định của Luật Đất đai 2013 như thế nào là phát triển KT - XH, thế nào là lợi ích quốc gia, thế nào là lợi ích công cộng... Thể chế hóa chủ trương của Đảng về tạo quỹ “đất sạch” theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI. Theo đó, Luật Đất đai cần phải giải quyết hai vấn đề: Cơ chế tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư; Công tác giải phóng mặt bằng và kết quả lấy ý kiến của người dân [9, tr.29].

Thứ ba, sửa đổi bổ sung quy định về thủ tục THĐ để phát triển KT - XH vì lợi ích quốc gia, công cộng của Luật Đất đai theo hướng cần phân biệt hai trường hợp: THĐ để tạo quỹ “đất sạch” và THĐ để thực hiện một hoặc nhiều dự án đầu tư cụ thể.

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh đảm bảo sự thống nhất giữa các Điểm, Khoản của Điều 64 và Điều 106 trong luật đất đai.

Thứ năm, pháp luật cần điều chỉnh quy định về giá đất nông nghiệp, trong đó có đất rừng cho phù hợp với giá trên thực tế để chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho người bị THĐ rừng thực hiện có hiệu quả hơn tại điểm b khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai 2013.

Thứ sáu, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quy hoạch sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất có rừng; giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất và hình thức chỉ định; NSDD...

Thứ bảy, pháp luật cần quy định bổ sung mức cụ thể là 50% khi Nhà nước THĐ mà phải di chuyển cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến đời sống, KT - XH, truyền thống văn hóa của cộng đồng.

Thứ tám, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến chế độ quản lý, sử dụng đất nông nghiệp (bao gồm đất rừng) nhằm tạo điều kiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp theo mô hình tập trung, góp phần đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Thứ chín, sửa đổi, bổ sung quy định cơ chế THĐ do vi phạm, đặc biệt là vi phạm về tiến độ sử dụng đất theo hướng đơn giản và dễ tổ chức thực hiện hơn trên thực tế, sử dụng biện pháp kinh tế (đánh thuế, phạt tiền nặng) thay cho biện pháp hành chính THĐ và không bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản.

3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất rừng

- Hoàn thiện các quy định của pháp luật về bồi thường khi Nhà nước THĐ rừng

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định việc tính giá bồi thường đất

rừng theo thời điểm bồi thường trên thực tế.

Thứ hai, hoàn thiện các nguyên tắc luật định về bồi thường khi Nhà nước THĐ. Điều 112, Luật Đất đai năm 2013 quy định cụ về nguyên tắc xác định giá đất.

- *Hoàn thiện các quy định của pháp luật về chế độ hỗ trợ khi Nhà nước THĐ rừng*

Thứ nhất, pháp luật cần quy định cụ thể một mức áp dụng cho từng loại đất rừng.

Thứ hai, xem xét điều chỉnh quy định về tài sản trên đất (giá trị kinh tế rừng) khi thu hồi cho phù hợp với giá trị lâm sản thực tế trên đất rừng mà người dân sản xuất làm kinh tế rừng để có chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho người bị THĐ rừng thực hiện có hiệu quả hơn.

Thứ ba, pháp luật quy định bổ sung chính sách hỗ trợ về tài sản đối với người bị THĐ trong trường hợp Nhà nước THĐ rừng như đã nêu trên.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thu hồi đất rừng

3.2.2.1. Nhóm giải pháp chung

- *Thứ nhất*, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo tiền đề nền tảng để nước ta sớm cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại trên tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, Khóa XI.

Thứ hai, bổ sung các quy định về hạn chế quyền chuyển nhượng sử dụng đất rừng sau khi giao đất cho các đối tượng được thụ hưởng, đảm bảo cho người dân sử dụng đất sản xuất làm kinh tế từ rừng được giao có hiệu quả.

Thứ ba, cần có quy hoạch cụ thể các khu vực đất lâm nghiệp để định hướng giao cho người dân tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất và phát triển bền vững.

Thứ tư, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng và tổ chức thực hiện văn bản đó; xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính đối với đất rừng.

Thứ năm, đẩy mạnh công khai hóa, minh bạch hóa quá trình thực thi pháp luật về THĐ các loại đất rừng khi Nhà nước thu hồi.

3.2.2.2. Nhóm giải pháp áp dụng cho tỉnh Kon Tum

- Đẩy mạnh công tác truyền thông pháp luật cho người dân hiểu

biết, nhận thức, thực thi và thực hiện tốt pháp luật về những quy định THĐ

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ đảng, chính quyền đối với các loại hình tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Thứ hai, trong công tác thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật THĐ rừng

Thứ ba, tuyên truyền giáo dục, thuyết phục nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương hoặc tiếp xúc trực tiếp với nhân dân, qua đó, nâng cao nhận thức, ý thức thực thi pháp luật về đất đai.

- Thực hiện các quy trình, thủ tục đúng quy định của pháp luật về THĐ rừng

Thứ nhất, trước khi triển khai thực hiện quy trình, thủ tục đúng quy định pháp luật THĐ rừng.

Thứ hai, thực hiện các quy trình, thủ tục THĐ rừng cần phải áp dụng đúng quy định của pháp luật theo quy định Luật đất đai năm 2013, các nghị định thông tư hướng dẫn trình tự thủ tục THĐ.

Thứ ba, minh bạch thủ tục, trình tự thu hồi và cưỡng chế THĐ rừng.

Thứ tư, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục THĐ, bồi thường khi Nhà nước THĐ.

- THĐ rừng phải đảm bảo lợi ích của người bị THĐ rừng, của cộng đồng dân cư và của Nhà nước.

Thứ nhất, đảm bảo lợi ích của người bị THĐ rừng, của cộng đồng dân cư và của Nhà nước trong lĩnh vực THĐ rừng.

Thứ hai, giải quyết việc làm, đảm bảo điều kiện sinh kế, ổn định đời sống cho người bị THĐ rừng.

- Nâng cao trình độ, năng lực thực thi và phẩm chất đạo đức của cán bộ làm công tác THĐ

Thứ nhất, từng bước kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước theo hướng đảm bảo đủ thẩm quyền và nguồn lực để quản lý về THĐ một cửa, một đầu mối và tương xứng với vai trò vị trí ngày càng quan trọng về vấn đề THĐ.

Thứ hai, nâng cao phẩm chất, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật về THĐ.

Thứ ba, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là thanh tra tài nguyên và môi trường, xây dựng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Kết luận Chương 3

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận chương 1 và thực trạng thực hiện pháp luật về THĐ các loại rừng ở chương 2, luận văn đưa ra một số phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về THĐ các loại rừng phục vụ mục đích an ninh, chính trị, lợi ích công cộng; vì mục tiêu phát triển kinh tế.

KẾT LUẬN

Thực hiện pháp luật về THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum về bản chất là nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật về THĐ. Qua đó, bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước, của NSDD, của người giao lại quyền sử dụng đất và của nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đất đai cho sự phát triển KT - XH của đất nước.

Qua thực tiễn THPL về THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trong thời gian qua ở Kon Tum, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Chính vì vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện vấn đề THPL về THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai ở Kon Tum trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, đưa ra hệ thống các giải pháp vừa mang tính giải pháp chung đó là tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, điều chỉnh một số quy định pháp luật về THĐ nói chung, đồng thời vừa có những giải pháp đặc thù cụ thể nhằm phát huy những thành tựu và khắc phục hạn chế là hết sức cần thiết. Từ những kết quả nghiên cứu THPL về THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum, luận văn rút ra một số kết luận như sau:

- Bằng những khái niệm, phạm trù của khoa học Luật học kinh tế, luận văn đã xây dựng và phân tích được một số vấn đề lý luận pháp luật về THĐ rừng như: khái niệm THĐ, THĐ rừng, phân loại đất rừng trong lĩnh vực đất đai, nội dung pháp luật về THĐ rừng trong lĩnh vực đất đai, sự điều chỉnh bằng pháp luật về thẩm quyền và nội dung, trình tự, thủ tục THĐ rừng; chủ thể, khách thể, cơ chế điều chỉnh pháp luật về THĐ rừng; mục đích và cơ chế thực hiện pháp luật về THĐ rừng.

- Trên cơ sở tiền đề lý luận, luận văn đã phân tích, đánh giá các điều kiện tác động tới THPL về THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum như: điều kiện về tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội, tình trạng chính sách quản lý và sử dụng đất đai; phân tích, đánh giá trong thời gian qua, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum hiện nay và những năm

tiếp theo.

- Đề khắc phục những tồn tại, bất cập trong THPL về THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum, luận văn đề xuất phương hướng và các giải pháp khả thi nhằm bảo đảm THPL về THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum, bao gồm nhóm giải pháp chung và nhóm giải pháp riêng cho tỉnh Kon Tum. Hy vọng các quan điểm và hệ thống giải pháp luận văn xây dựng có thể góp phần vào việc bổ sung những vấn đề lý luận cho việc THPL về THĐ nói chung và THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum nói riêng. Các giải pháp căn bản nêu lên trong luận văn cần tiến hành thực hiện một cách đồng bộ, mới có thể bảo đảm cho THPL về THĐ các loại rừng trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thực hiện trên thực tế, từng bước xây dựng tỉnh Kon Tum ngày càng ổn định, phát triển theo hướng toàn diện và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ NN&PTNT và Bộ TNMT (2011), *Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT*, ngày 29/01/2011, *Hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp*.

[2] Bộ Lâm nghiệp (1994), *Thông tư số 06-LN/KL* ngày 18/6/1994, *Hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP* ngày 15/01/1994 về *giao đất lâm nghiệp*.

[3] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), *Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT* ngày 02/6/2014, *Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất*.

[4] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ (2014), *Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV* ngày 28/8/2014, *hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức sở tài nguyên và môi trường*.

[5] Bộ Tài nguyên môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính (2015), *Thông tư Liên tịch Số 16/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC*, ngày 04/4/2015, *hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của trung tâm phát triển quỹ đất trực thuộc sở tài nguyên và môi trường*.

[6] Chính phủ (2014), *Nghị định số 47/2014/NĐ-CP*, ngày 15 tháng 05 năm 2014, *quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước THĐ*.

[7] Chính phủ (2015), *Nghị định số 61/2015/NĐ-CP*, ngày 09 tháng 07 năm 2015, *quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm*.

[8] Phan Trung Hiền (Chủ biên) 2016, “Đổi mới thể chế trong quản lý đất đai và thực thi quản trị đất đai tại Việt Nam”, trong *Pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Cần Thơ.

[9] Phan Trung Hiền và Châu Hoàng Thân (2018), “Thuận lợi và khó khăn trong tạo quỹ đất sạch nhằm thu hút đầu tư tại thành phố Cần Thơ”, *Hội thảo Thực trạng cơ chế tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ - thành tựu và hạn chế*, Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.

[10] Nguyễn Ngọc Hiến (Chủ biên) (2003), *Hành chính công*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

[11] Hội đồng chỉ đạo biên soạn Địa phương học Kon Tum (1998), *Kon Tum đất nước con người*, Nxb. Đà Nẵng.

[12] HĐND tỉnh Kon Tum (2019), Nghị quyết số 47/NQ-HĐND, ngày 11/12/2018, về *Danh mục các dự án cần THĐ năm 2019*.

[13] Liên Hợp Quốc, *Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị 1966* (Được thông qua và đề ngỏ cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 2200 (XXI) ngày 16/12/1966 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, có hiệu lực ngày 23/3/1976).

[14] C. Mac, Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[15] Phạm Duy Nghĩa (2011), *Giáo trình Luật Kinh tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

[16] Đào Nguyên (2017), Báo Kon Tum, *Ổn định dân di cư tự do*, tại trang <http://baokontum.com.vn/xa-hoi/on-dinh-dan-di-cu-tu-do-4301.html>, [truy cập ngày 20 tháng 4 năm 2020].

[17] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013*, Công báo (Số 1003 + 1004, Ngày 29-12-2013).

[18] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Luật Bảo vệ và Phát triển rừng*.

[19] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Đất đai 2013 (Luật số: 45/2013/QH13)*, Công báo, (Số 1011 + 1012, Ngày 31-12-2013).

[20] Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật Lâm nghiệp 2017 (Luật số: 16/2017/QH14)*, Công báo, (Số 1057 + 1058, Ngày 27-12-2017).

[21] Đỗ Đình Sâm và các tác giả (2006), *Cẩm nang ngành Lâm nghiệp, Chương: Đất và Dinh dưỡng Đất*, Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác, Bộ NN&PTNT, Hà Nội.

[22] Khánh Thi (2019), Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Khiếu nại trong lĩnh vực đất đai chiếm 98%*, tại trang <http://dangcongsan.vn/khoa-giao/khieu-nai-trong-linh-vuc-dat-dai-chiem-98---529832.html>, [truy cập ngày 17/4/2020].

[23] Trung tâm Từ điển Tiếng Việt (2000): *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

[24] Lưu Quốc Thái (2012), “Chế định THĐ và vấn đề đảm bảo quyền tài sản của NSDD”, *Tạp chí Khoa học pháp lý, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh*, (Số 3-2012), Thành phố Hồ Chí Minh.

[25] Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015, về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị THĐ*.

[26] Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg* ngày 28/09/2015, quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

[27] Tỉnh ủy Kon Tum (2005), *Văn kiện Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIII*, Kon Tum.

[28] Tỉnh ủy Kon Tum (2015), *Văn kiện Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XV*, Kon Tum.

[29] UBND tỉnh Kon Tum (2013), *Quy hoạch tổng thể nông nghiệp, nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025*.

[30] UBND tỉnh Kon Tum (2013), *Quyết định số 969/QĐ-UBND* ngày 22/11/2013, *V/v Ban hành Phương án giải quyết đất giao chồng lấn, đất lấn chiếm nằm trong lâm phần các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum*.

[31] UBND tỉnh Kon Tum (2013), *Quyết định số 25/QĐ-UBND* ngày 03/6/2013, *về việc Ban hành quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác THĐ, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi triển khai dự án đầu tư*.

[32] UBND tỉnh Kon Tum (2013), *Quyết định số 128/QĐ-UBND* ngày 1/3/2013, *về việc THĐ rừng, chuyển mục đích sử dụng đất và cho doanh nghiệp thuê đất để khai thác khoáng sản*.

[33] UBND tỉnh Kon Tum (2014), *Quyết định số 53/QĐ-UBND* ngày 19/9/2014, *về việc quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước THĐ trên địa bàn tỉnh Kon Tum*.

[34] UBND tỉnh Kon Tum (2014), *Quyết định số 07/QĐ-UBND* ngày 27/1/2014, *V/v sửa đổi, bổ sung QĐ số 75/2009/QĐ-UBND về việc Quy định cụ thể về hỗ trợ khi nhà nước THĐ*.

[35] UBND tỉnh Kon Tum (2015), *Báo cáo số 308/BC-UBND*, ngày 9/11/2015, *Về tình hình thực hiện nhiệm vụ KT - XH, quốc phòng - an ninh*

[36] UBND tỉnh Kon Tum (2017), *Báo cáo số 154/BC-UBND* ngày 31/7/2017, *Về tình hình, kết quả thực hiện chính sách pháp luật về giao đất, giao rừng cho cộng đồng dân cư và hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, giai đoạn 2006-2016*.

[37] UBND tỉnh Kon Tum (2017), *Quyết định số 1281/QĐ-UBND* ngày 29/11/2017, *về việc THĐ rừng giao về cho địa phương quản lý; giao đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô quản lý, sử dụng*.

[38] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Quyết định Số 11/QĐ-UBND* ngày 03/01/2018, *V/v Phê duyệt phương án thi điểm giao rừng gắn với*

hỗ trợ cộng đồng, hỗ trợ gia đình phát triển kinh tế rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

[39] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 30/10/2018, về Danh mục các dự án cần THĐ năm 2019 và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh.*

[40] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 26/11/2018, V/v bổ sung Danh mục các dự án cần THĐ năm 2019 và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh.*

[41] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 01/8/2018, về việc THĐ rừng của Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum và giao cho UBND huyện Đăk Glei quản lý, bố trí sử dụng theo quy định.*

[42] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 24/8/2018, về việc THĐ rừng giao về cho địa phương quản lý; giao đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi để quản lý, sử dụng.*

[43] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 27/11/2018, về việc THĐ rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Glei và giao cho UBND huyện Đăk Glei quản lý, bố trí sử dụng theo quy định.*

[44] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 11/10/2018, về việc THĐ rừng của Công ty cổ phần phát triển Duy Tân và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: cụm công trình thủy lợi Ia H'Drai*

[45] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 23/8/2018, về việc THĐ rừng giao về cho địa phương quản lý; giao đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi quản lý, sử dụng.*

[46] UBND tỉnh Kon Tum (2018), *Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 07/02/2018, về việc THĐ rừng giao về cho địa phương quản lý; giao đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon PLông quản lý, sử dụng.*

[47] Ủy ban thường vụ Quốc hội (2015), *Báo cáo số 958/BC - UBTVQH13, ngày 16/10/2015, Báo cáo Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai tại các nông, lâm trường quốc doanh giai đoạn 2004 - 2014.*

[48] Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội -2016, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII.